 **Bảng admin**: Chứa thông tin về các tài khoản quản trị viên với AdminID, liên kết với người dùng thông qua NguoiDungID, và quyền hạn (QuyenHan).

 **Bảng chitietchuyennganh**: Liên kết các chuyên ngành với môn học thông qua ChiTietChuyenNganhID, ChuyenNganhID, và MonHocID.

 **Bảng chitiethocphi**: Chi tiết học phí của mỗi môn học, gồm HocPhiID, GiaMonHoc, SoLuong, và thuộc tính chung (ThuocTinhChungID).

 **Bảng chitietmonhoc**: Thông tin chi tiết về môn học, gồm ID của môn (MonHocID), giáo viên (GiaoVienID), và thời khóa biểu (ThoiKhoaBieuID).

 **Bảng chuyennganh**: Danh sách các chuyên ngành với ChuyenNganhID, tên (TenChuyenNganh), và mô tả (MoTa).

 **Bảng diem**: Ghi nhận điểm số của sinh viên cho từng môn học với DiemID, SinhVienID, và DiemSo.

 **Bảng diemdanh**: Ghi nhận điểm danh của sinh viên với SinhVienID, NgayDiemDanh, và môn học (MonHocID).

 **Bảng giaovien**: Thông tin về giáo viên, bao gồm ID của giáo viên (GiaoVienID), chuyên ngành (ChuyenNganhID), và số lượng giáo viên (SoluongGv).

 **Bảng hieutruong**: Thông tin về hiệu trưởng, gồm HieuTruongID, người dùng (NguoiDungID), và ngày nhận chức (NgayNhanChuc).

 **Bảng hocphi**: Thông tin học phí của sinh viên, gồm NguoiDungID, tổng giá (TongGia), ngày tạo, và trạng thái.

 **Bảng ketoan**: Thông tin kế toán viên với KeToanID, NguoiDungID, và ngày bắt đầu làm việc.

 **Bảng monhoc**: Danh sách các môn học, gồm MonHocID, tên (TenMonHoc), giá (Gia), và mô tả.

 **Bảng nguoidung**: Thông tin người dùng, gồm ID (NguoiDungID), tên, email, mật khẩu, loại người dùng, vai trò (VaiTroID).

 **Bảng noidungmonhoc**: Nội dung của môn học (video, tài liệu, v.v.) với ChiTietMonHocID, loại nội dung (LoaiNoiDung), và đường dẫn.

 **Bảng sinhvien**: Thông tin sinh viên, gồm ID (SinhVienID), người dùng (NguoiDungID), và chuyên ngành.

 **Bảng thanhtich**: Thành tích của sinh viên, gồm điểm số (DiemID), điểm danh (DiemDanhID), và môn học chi tiết.

 **Bảng thanhtoan**: Thông tin thanh toán học phí, gồm HocPhiID, số tiền, ngày thanh toán, và trạng thái.

 **Bảng thoikhoabieu**: Thời khóa biểu của môn học với ngày bắt đầu, ngày kết thúc, môn học, và giáo viên.

 **Bảng thuoctinhchung**: Thuộc tính chung cho các thực thể, gồm tên (Ten), mô tả (MoTa), trạng thái, và ngày tạo/cập nhật.

 **Bảng vaitro**: Danh sách vai trò trong hệ thống (ví dụ: sinh viên, giáo viên, kế toán, hiệu trưởng).

**CREATE TABLE `nguoi\_dung` (**

**`NguoiDungID` int(11) NOT NULL,**

**`Ten` varchar(100) DEFAULT NULL,**

**`Email` varchar(100) DEFAULT NULL,**

**`MatKhau` varchar(100) DEFAULT NULL,**

**`LoaiNguoiDung` enum('Admin','GiaoVien','KeToan','SinhVien') DEFAULT NULL,**

**`VaiTroID` int(11) DEFAULT NULL,**

**`ThuocTinhChungID` int(11) DEFAULT NULL**

**) ENGINE=InnoDB DEFAULT CHARSET=utf8mb4 COLLATE=utf8mb4\_general\_ci;**

CREATE TABLE `thuoc\_tinh\_chung` (

`ThuocTinhChungID` int(11) NOT NULL,

`Ten` varchar(100) DEFAULT NULL,

`MoTa` text DEFAULT NULL,

`TrangThai` varchar(100) DEFAULT NULL,

`NgayTao` datetime DEFAULT NULL,

`NgayCapNhat` datetime DEFAULT NULL

) ENGINE=InnoDB DEFAULT CHARSET=utf8mb4 COLLATE=utf8mb4\_general\_ci;